



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

## CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-35

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thê	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thê	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 08 năm 2021

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>996.007.695.774</b>	<b>932.186.774.233</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>5.820.336.368</b>	<b>22.309.490.292</b>
111	1. Tiền		5.820.336.368	22.309.490.292
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>405.122.004.458</b>	<b>565.541.159.394</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	399.004.992.027	563.104.859.966
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.799.575.535	10.293.932.025
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.196.744.686	7.021.675.193
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.879.307.790)	(14.879.307.790)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>568.287.134.530</b>	<b>335.936.090.407</b>
141	1. Hàng tồn kho		568.287.134.530	335.936.090.407
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.778.220.418</b>	<b>8.400.034.140</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	309.953.225	1.150.130.065
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.468.267.193	7.249.904.075
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>612.169.768.133</b>	<b>412.545.913.129</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>24.752.307.755</b>	<b>47.501.823.638</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	24.752.307.755	47.501.823.638
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>140.233.243.945</b>	<b>145.580.110.484</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	122.748.044.010	127.920.716.749
222	- Nguyên giá		317.804.382.952	316.621.787.734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(195.056.338.942)	(188.701.070.985)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.485.199.935	17.659.393.735
228	- Nguyên giá		22.365.266.201	22.365.266.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.880.066.266)	(4.705.872.466)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>277.775.565.801</b>	<b>46.620.873.607</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		277.775.565.801	46.620.873.607
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>146.590.000.000</b>	<b>146.590.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>22.818.650.632</b>	<b>26.253.105.400</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	22.818.650.632	26.253.105.400
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.608.177.463.907</b>	<b>1.344.732.687.362</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>982.345.192.394</b>	<b>710.935.411.199</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>963.861.091.144</b>	<b>692.413.509.949</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	417.421.839.628	355.553.168.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		317.061.293	648.228.933
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	99.266.959.029	13.386.093.447
314	4. Phải trả người lao động		3.598.846.150	9.225.722.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	426.283.256	1.237.051.840
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.393.651.135	2.517.879.954
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	663.529.530	627.805.268
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	419.068.058.769	282.638.097.273
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.704.862.354	26.579.462.354
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>18.484.101.250</b>	<b>18.521.901.250</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	3.184.101.250	3.221.901.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	15.300.000.000	15.300.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>625.832.271.513</b>	<b>633.797.276.163</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>625.832.271.513</b>	<b>633.797.276.163</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		421.115.890.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		35.305.514.412	35.305.514.412
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		97.615.598.394	105.580.603.044
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		63.469.014.044	49.442.373.481
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		34.146.584.350	56.138.229.563
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.608.177.463.907</b>	<b>1.344.732.687.362</b>

**Đỗ Thị Thu Huyền**  
Người lập

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 08 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2021	đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.150.234.234.552	1.958.931.830.460
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.425.650.299	8.203.845.991
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.142.808.584.253	1.950.727.984.469
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.048.981.409.735	1.869.824.327.555
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.827.174.518	80.903.656.914
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	25.693.528	15.506.325
22	7. Chi phí tài chính	25	7.302.097.970	11.719.444.342
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.300.226.678	11.719.133.505
25	8. Chi phí bán hàng	26	31.615.273.653	40.209.423.795
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	12.244.456.185	8.155.921.839
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.691.040.238	20.834.373.263
31	11. Thu nhập khác		532.314.608	126.066.596
32	12. Chi phí khác		432.111.568	252.194.128
40	13. Lợi nhuận khác		100.203.040	(126.127.532)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.791.243.278	20.708.245.731
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	8.644.658.928	4.192.133.313
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>34.146.584.350</b>	<b>16.516.112.418</b>

Đỗ Thị Thu Huyền  
Người lập

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 08 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2021	đầu năm 2020
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		42.791.243.278	20.708.245.731
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.529.461.757	6.727.251.371
03	- Các khoản dự phòng		-	(3.398.330.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		35.292	310.837
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.693.528)	(12.619.622)
06	- Chi phí lãi vay		7.300.226.678	11.719.133.505
07	- Các khoản điều chỉnh khác		119.414.685	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		56.714.688.162	35.743.991.822
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		152.353.048.495	(11.994.598.661)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(232.351.044.123)	50.894.336.189
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		56.956.850.880	57.024.796.487
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.274.631.608	(616.505.606)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.108.103.919)	(11.591.618.995)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.395.713.673)	(7.287.956.935)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.874.600.000)	(1.637.296.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.569.757.430	110.535.147.801
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(123.378.483.336)	(1.489.653.546)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.693.528	12.619.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(123.352.789.808)	(1.477.033.924)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.267.738.846.620	1.165.601.582.004
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.131.308.885.124)	(1.244.365.926.570)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		94.293.913.746	(108.218.602.651)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(16.489.118.632)	839.511.226

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2021	đầu năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.309.490.292	12.371.928.800
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(35.292)	(310.837)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.820.336.368</u>	<u>13.211.129.189</u>

Đỗ Thị Thu Huyền  
Người lậpNguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 08 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 338 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 342 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong 06 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của việc giá bán thép tăng cùng với việc các ngân hàng giảm lãi suất cho vay và công ty chủ động sử dụng các phương thức vận chuyển thay thế đã dẫn đến lãi gộp tăng so với cùng kỳ trong khi đó chi phí bán hàng và chi phí tài chính giảm mạnh, dẫn đến kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m<sup>2</sup> đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m<sup>2</sup> đất tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m<sup>2</sup> đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m<sup>2</sup> tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m<sup>2</sup> tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m<sup>2</sup> tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần với giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, tối đa không quá 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.

Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.

Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.20 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### 2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.26 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	258.057.887	460.887.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.562.278.481	21.848.602.674
	<u><u>5.820.336.368</u></u>	<u><u>22.309.490.292</u></u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>79.950.000.000</b>	-	<b>79.950.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>66.640.000.000</b>	-	<b>66.640.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	<b>146.590.000.000</b>	-	<b>146.590.000.000</b>	-

\*Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:**

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức là 99,94%.

**Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:**

Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức là 28,6%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 32.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	166.740.827.130	-	315.480.693.769	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	37.921.410.357	-	51.174.967.251	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	82.124.101.261	-	36.526.064.190	-
Phải thu khách hàng khác	112.218.653.279	(14.879.307.790)	159.923.134.756	(14.879.307.790)
	<b>399.004.992.027</b>	<b>(14.879.307.790)</b>	<b>563.104.859.966</b>	<b>(14.879.307.790)</b>

**b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	-	-	<b>18.128.995.246</b>	-
--	---	---	-----------------------	---

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây Dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	5.394.256.677	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Reenco Việt Nam	711.810.000	-	1.056.810.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt Nga	5.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	2.502.500.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.556.752.181	-	2.705.865.348	-
	<b>17.799.575.535</b>	<b>-</b>	<b>10.293.932.025</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	372.469.370	-	3.637.412.245	-
Ký cược, ký quỹ	2.690.000.000	-	3.370.000.000	-
Phải thu khác	134.275.316	-	14.262.948	-
	<b>3.196.744.686</b>	<b>-</b>	<b>7.021.675.193</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
UBND Thị trấn Đạo Đức (*)	382.546.000	-	441.580.000	-
BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình Xuyên (*)	24.369.761.755	-	47.060.243.638	-
	<b>24.752.307.755</b>	<b>-</b>	<b>47.501.823.638</b>	<b>-</b>

(\*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	8.272.493.284	11.817.847.549	8.272.493.284
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	1.637.825.076	4.135.650.153	2.067.825.076
- Công ty TNHH Trường	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	<b>24.789.626.150</b>	<b>9.910.318.360</b>	<b>25.219.626.150</b>	<b>10.340.318.360</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	61.388.797.593	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	200.898.904.696	-	185.034.777.405	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.691.296.992	-	5.808.059.358	-
Thành phẩm	299.308.135.249	-	145.093.253.644	-
	<b>568.287.134.530</b>	<b>-</b>	<b>335.936.090.407</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>277.775.565.801</b>	<b>46.620.873.607</b>
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh <sup>(1)</sup>	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City <sup>(2)</sup>	269.108.354.389	38.046.328.153
- Công trình khác	92.665.958	-
	<b>277.775.565.801</b>	<b>46.620.873.607</b>

**Thông tin chi tiết về các dự án:****(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyên sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m<sup>2</sup> xuống còn 4.248m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 30/06/2021: Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

**(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
  - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
  - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
  - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
  - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	169.193.407.415	117.553.330.384	28.276.475.217	1.598.574.718	316.621.787.734
- Mua trong kỳ	-	-	1.182.595.218	-	1.182.595.218
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>169.193.407.415</b>	<b>117.553.330.384</b>	<b>29.459.070.435</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>317.804.382.952</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	54.913.201.001	108.331.001.401	23.858.293.865	1.598.574.718	188.701.070.985
- Khấu hao trong kỳ	3.942.410.437	1.392.585.084	1.020.272.436	-	6.355.267.957
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.855.611.438</b>	<b>109.723.586.485</b>	<b>24.878.566.301</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>195.056.338.942</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	114.280.206.414	9.222.328.983	4.418.181.352	-	127.920.716.749
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>110.337.795.977</b>	<b>7.829.743.899</b>	<b>4.580.504.134</b>	<b>-</b>	<b>122.748.044.010</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 68.104.004.089 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 125.841.379.364 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối kỳ	<u>22.295.441.201</u>	<u>69.825.000</u>	<u>22.365.266.201</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.636.047.466	69.825.000	4.705.872.466
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối kỳ	<u>4.810.241.266</u>	<u>69.825.000</u>	<u>4.880.066.266</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	17.659.393.735	-	17.659.393.735
Tại ngày cuối kỳ	<u>17.485.199.935</u>	<u>-</u>	<u>17.485.199.935</u>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí quảng cáo	309.953.225	1.150.130.065
	<u>309.953.225</u>	<u>1.150.130.065</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.440.991.675	5.529.223.973
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	6.660.000.000	2.880.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.812.652.958	8.982.355.573
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.905.338.754	6.743.552.421
Chi phí quảng cáo	1.512.398.722	1.623.760.468
Chi phí trả trước dài hạn khác	487.268.523	494.212.965
	<u>22.818.650.632</u>	<u>26.253.105.400</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	119.486.672.529	119.486.672.529	100.111.750.447	100.111.750.447
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	35.995.846.953	35.995.846.953	90.951.540.449	90.951.540.449
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	51.086.739.578	51.086.739.578	62.400.099.905	62.400.099.905
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt Nga	31.316.583.600	31.316.583.600	-	-
Phải trả các đối tượng khác	179.535.996.968	179.535.996.968	102.089.778.009	102.089.778.009
	<b>417.421.839.628</b>	<b>417.421.839.628</b>	<b>355.553.168.810</b>	<b>355.553.168.810</b>

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	227.610.648	35.487.889
- Trích trước tiền điện	198.672.608	392.563.951
- Chi phí phải trả khác	-	809.000.000
	<b>426.283.256</b>	<b>1.237.051.840</b>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	300.791.000	332.440.480
- Bảo hiểm y tế	6.535.800	8.255.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	253.677.538
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.983.942	33.432.050
	<b>663.529.530</b>	<b>627.805.268</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.184.101.250	3.221.901.250
	<b>3.184.101.250</b>	<b>3.221.901.250</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	19.464.025.153	16.511.743.271	-	2.952.281.882
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.276.298.988	8.764.073.613	13.395.713.673	-	8.644.658.928
Thuế Thu nhập cá nhân	-	109.794.459	2.400.531.615	2.436.432.725	-	73.893.349
Thuế Tài nguyên	-	-	12.848.000	12.848.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	237.607.840	3.027.840	-	234.580.000
Tiền sử dụng đất	-	-	222.294.087.741	134.932.542.871	-	87.361.544.870
Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	-	-	3.106.422.000	3.106.422.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	60.526.679	60.526.679	-	-
	-	<b>13.386.093.447</b>	<b>256.343.122.641</b>	<b>170.462.257.059</b>	-	<b>99.266.959.029</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>274.638.097.273</b>	<b>274.638.097.273</b>	<b>1.267.738.846.620</b>	<b>1.127.308.885.124</b>	<b>415.068.058.769</b>	<b>415.068.058.769</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(1)</sup>	199.662.125.282	199.662.125.282	897.185.916.516	778.000.000.000	318.848.041.798	318.848.041.798
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên <sup>(2)</sup>	74.975.971.991	74.975.971.991	350.944.044.980	329.700.000.000	96.220.016.971	96.220.016.971
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	19.608.885.124	19.608.885.124	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	-	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(3)</sup>	8.000.000.000	8.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	<b>282.638.097.273</b>	<b>282.638.097.273</b>	<b>1.267.738.846.620</b>	<b>1.131.308.885.124</b>	<b>419.068.058.769</b>	<b>419.068.058.769</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(3)</sup>	23.300.000.000	23.300.000.000	-	4.000.000.000	19.300.000.000	19.300.000.000
	<b>23.300.000.000</b>	<b>23.300.000.000</b>	-	<b>4.000.000.000</b>	<b>19.300.000.000</b>	<b>19.300.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>			<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/1509578/HĐTD ngày 19/04/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 500 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 318.848.041.798 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đầy đủ.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20.093.0001/2020-HĐCVHM/NHCT262 - ONG THEP VIET DUC ngày 01/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 96.220.016.971 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đầy đủ.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(3) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Số tiền vay: 42 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- + Thời hạn vay: 72 tháng, ngày giải ngân và ngày đáo hạn chính thức của từng khoản vay được xác định tại bảng kê rút vốn;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 19.300.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 4.000.000.000 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	32.003.265.614	1.959.882.008	78.920.485.781	603.834.910.102
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	16.516.112.418	16.516.112.418
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(29.478.112.300)	(29.478.112.300)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>32.003.265.614</b>	<b>1.959.882.008</b>	<b>65.958.485.899</b>	<b>590.872.910.220</b>
Số dư đầu năm nay	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	105.580.603.044	633.797.276.163
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	34.146.584.350	34.146.584.350
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(42.111.589.000)	(42.111.589.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>69.835.386.699</b>	<b>35.305.514.412</b>	<b>1.959.882.008</b>	<b>97.615.598.394</b>	<b>625.832.271.513</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 16/04/2021, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương 42.111.589.000 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Lê Minh Hải	85.000.000.000	20,18%	85.000.000.000	20,18%
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000	10,75%
Bà Nguyễn Thị Nhi	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000	5,60%
Bà Lê Khánh Huyền	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000	8,24%
Ông Lê Quốc Khánh	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000	5,15%
Các cổ đông khác	210.880.690.000	50,08%	210.880.690.000	50,08%
	<b>421.115.890.000</b>	<b>100%</b>	<b>421.115.890.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	421.115.890.000	421.115.890.000
- Vốn góp đầu kỳ	421.115.890.000	421.115.890.000
- Vốn góp cuối kỳ	421.115.890.000	421.115.890.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	253.677.538	229.823.323
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	42.111.589.000	29.478.112.300
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	42.111.589.000	29.478.112.300
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(42.136.047.750)	(29.454.258.085)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	229.218.788	253.677.538
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	42.111.589	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.305.514.412	35.305.514.412
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	<b>37.265.396.420</b>	<b>37.265.396.420</b>
<b>20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
Ngoại tệ các loại	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.486,74	2.493,34
<b>21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>06 tháng đầu năm</b>	<b>06 tháng đầu năm</b>
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.097.439.726.802	945.275.335.369
Doanh thu bán thành phẩm	1.046.316.800.811	1.007.399.573.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.477.706.939	6.256.922.001
	<b>2.150.234.234.552</b>	<b>1.958.931.830.460</b>
	<b>8.574.915.441</b>	<b>48.728.373.935</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.109.334.381	7.840.353.935
Hàng bán bị trả lại	314.287.437	363.492.056
Giảm giá hàng bán	2.028.481	-
	<b>7.425.650.299</b>	<b>8.203.845.991</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.080.654.631.202	938.912.618.963
Giá vốn của thành phẩm đã bán	962.312.154.399	925.917.882.944
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.014.624.134	4.993.825.648
	<b>2.048.981.409.735</b>	<b>1.869.824.327.555</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	25.693.528	12.619.622
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.886.703
	<b>25.693.528</b>	<b>15.506.325</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.300.226.678	11.719.133.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.836.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	35.292	310.837
	<b>7.302.097.970</b>	<b>11.719.444.342</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	465.139.486	584.982.554
Chi phí nhân công	5.100.690.326	5.184.878.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.940.522	476.940.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.023.775.710	33.298.521.827
Chi phí khác bằng tiền	548.727.609	664.100.621
	<b>31.615.273.653</b>	<b>40.209.423.795</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.454.488	351.872.647
Chi phí nhân công	7.010.020.100	6.592.430.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.181.427.468	1.113.438.833
Thuế, phí, lệ phí	388.628.806	501.375.073
Chi phí hoàn nhập dự phòng	-	(3.398.330.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.586.312.281	1.218.605.635
Chi phí khác bằng tiền	1.780.613.042	1.776.529.151
	<b>12.244.456.185</b>	<b>8.155.921.839</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.791.243.278	20.708.245.731
Các khoản điều chỉnh tăng	432.051.360	252.420.835
- Chi phí không hợp lệ	432.051.360	252.109.998
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	310.837
Thu nhập chịu thuế TNDN	43.223.294.638	20.960.666.566
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>8.644.658.928</b>	<b>4.192.133.313</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	119.414.685	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	13.276.298.988	7.287.956.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(13.395.713.673)	(7.287.956.935)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>8.644.658.928</b>	<b>4.192.133.313</b>

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.096.047.486.462	903.642.579.890
Chi phí nhân công	24.250.858.326	24.942.180.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.277.351.759	6.727.251.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.529.599.650	38.919.962.424
Chi phí khác bằng tiền	2.179.331.413	2.463.757.683
	<b>1.167.284.627.610</b>	<b>976.695.732.339</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.820.336.368	-	22.309.490.292	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	426.954.044.468	(14.879.307.790)	617.628.358.797	(14.879.307.790)
	<b>432.774.380.836</b>	<b>(14.879.307.790)</b>	<b>639.937.849.089</b>	<b>(14.879.307.790)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			434.368.058.769	297.938.097.273
Phải trả người bán, phải trả khác			421.269.470.408	359.402.875.328
Chi phí phải trả			426.283.256	1.237.051.840
			<b>856.063.812.433</b>	<b>658.578.024.441</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.820.336.368	-	-	5.820.336.368
Phải thu khách hàng, phải thu khác	387.322.428.923	24.752.307.755	-	412.074.736.678
	<u>393.142.765.291</u>	<u>24.752.307.755</u>	<u>-</u>	<u>417.895.073.046</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.309.490.292	-	-	22.309.490.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	555.247.227.369	47.501.823.638	-	602.749.051.007
	<u>577.556.717.661</u>	<u>47.501.823.638</u>	<u>-</u>	<u>625.058.541.299</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Vay và nợ	419.068.058.769	15.300.000.000	-	434.368.058.769
Phải trả người bán, phải trả khác	418.085.369.158	3.184.101.250	-	421.269.470.408
Chi phí phải trả	426.283.256	-	-	426.283.256
	<b>837.579.711.183</b>	<b>18.484.101.250</b>	<b>-</b>	<b>856.063.812.433</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	282.638.097.273	15.300.000.000	-	297.938.097.273
Phải trả người bán, phải trả khác	356.180.974.078	3.221.901.250	-	359.402.875.328
Chi phí phải trả	1.237.051.840	-	-	1.237.051.840
	<b>640.056.123.191</b>	<b>18.521.901.250</b>	<b>-</b>	<b>658.578.024.441</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.574.915.441</b>	<b>48.728.373.935</b>
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	8.574.915.441	48.728.373.935
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>86.172.272</b>	<b>63.330.000</b>
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	86.172.272	63.330.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức,  
Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	-	<b>18.128.995.246</b>
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	18.128.995.246

**Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

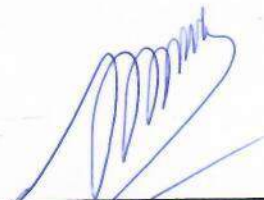
	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Ông Lê Minh Hải	152.850.000	174.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thê	151.350.000	174.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	151.350.000	174.000.000

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.



**Đỗ Thị Thu Huyền**  
Người lập



**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hữu Thê**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 08 năm 2021

